

Số: /BC-TH&THCSHS

Trân Châu, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên năm học 2024-2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT- BGDDT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên trường:** Trường TH&THCS Hà Sen

2. **Địa chỉ:** Thôn Bến, xã Trân Châu, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

- Gmail: th.thcshasen@gmail.com

- SĐT: 0313.888.607

- Cổng thông tin điện tử: <http://th-thcshasen.haiphong.edu.vn>

3. **Loại hình cơ sở giáo dục:** Trường công lập

4. **Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của nhà trường**

4.1. Sứ mạng

Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực, giúp học sinh phát triển toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có kỹ năng tốt, sẵn sàng hội nhập, đáp ứng với một thế giới luôn thay đổi.

Khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

4.2. Tầm nhìn

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện. Là một trong những trường TH&THCS có chất lượng giảng dạy trong huyện, giáo dục thể hệ học sinh có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu và là những công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4.3. Mục tiêu

4.3.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong cấp THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

Về năng lực: Phần đầu 99% từ mức Đạt trở lên đối với các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); Các năng lực đặc thù (Ngôn ngữ, toán học, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất).

Về phẩm chất: Phần đầu 100 % từ mức đạt trở lên với các phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Trang bị cho học sinh những kiến thức căn bản về tự nhiên và xã hội. Chú trọng năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề thực tiễn, đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện tại và tương lai một cách linh hoạt.

Tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa nghệ thuật và các hoạt động khác để phát huy tối đa năng khiếu và năng lực của từng cá nhân học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, các hoạt động giáo dục theo chủ đề để hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh.

Phát triển toàn diện cho học sinh về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản; hình thành nhân cách con người Việt Nam và trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường TH&THCS Hà Sen ngày nay tiền thân gồm hai nhà trường: Trường TH&THCS Hà Sen được thành lập năm 1953 và Trường TH&THCS Võ Thị Sáu được thành lập năm 1978. Trải qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành với bề dày truyền thống lịch sử các nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng trân trọng, được nhận nhiều giấy khen, bằng khen của các cấp, chất lượng giáo dục và đào tạo luôn đứng trong tốp đầu của Giáo dục huyện Cát Hải khẳng định được vị thế, vai trò và uy tín đối với giáo dục của huyện nhà. Niềm tin của nhân dân đối với các nhà trường ngày một củng cố và phát triển vững mạnh, là nơi thật sự tin tưởng để người dân chọn lựa, giao trách nhiệm giáo dục con em của địa phương trở thành những chủ nhân tương lai của đất nước, địa phương.

Trước những yêu cầu đổi mới của giáo dục và đào tạo ngày 29/9/2022 UBND huyện Cát Hải đã ban hành Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND huyện Cát Hải về việc sáp nhập Trường TH&THCS Võ Thị Sáu với Trường TH&THCS Hà Sen thành Trường TH&THCS Hà Sen. Trường gồm 02 cơ sở (cơ sở 1 đặt tại Thôn Bến xã Trân Châu, cơ sở 2 đặt tại Thôn Hải Sơn xã Trân Châu). Từ nay nhà trường sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để phát triển giáo dục tại địa phương.

6. Thông tin người đại diện

- Người đại diện: Ông Lê Đình Đăng, Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ: Tổ dân phố Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, Hải Phòng
- Thông tin liên hệ: Số điện thoại: 035.2223.125
- Địa chỉ thư điện tử: dangcbhp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND huyện Cát Hải về việc sáp nhập Trường TH&THCS Võ Thị Sáu với Trường TH&THCS Hà Sen thành Trường TH&THCS Hà Sen.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường

Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc kiện toàn Hội đồng trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Cát Hải, nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách thành viên Hội đồng trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Đình Đăng	Bí thư CB, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng trường	
2	Bà Hoàng Thị Thu	Phó HT, Chủ tịch Công đoàn - Thành viên Hội đồng trường	
3	Bà Cao Thị Toán	Tổ trưởng Tổ Văn phòng – Thư ký Hội đồng	
4	Ông Phạm Hải Ninh	Phó Chủ tịch UBND xã Trân Châu - Thành viên	
5	Bà Vũ Thị Sinh	Tổ trưởng CM THCS - Thành viên	
6	Bà Lê Thị Lượ	Tổ trưởng CM Tiểu học - Thành viên Hội đồng trường	
7	Bà Hoàng Thị Thương	Bí thư Đoàn TN - Thành viên Hội đồng trường	
8	Bà Vũ Thị Kim Huế	Trưởng ban Đại diện CMHS - Thành viên	
9	Em Lê Diễm Quỳnh	Liên đội trưởng -Thành viên Hội đồng trường	

c) Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý nhà trường

- Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc chuyển công tác và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng đối với viên chức Lê Đình Đăng.

- Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc chuyển công tác và bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng đối với viên chức Hoàng Thị Thu.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và sơ đồ tổ chức bộ máy:

- Nhà trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 101/QĐ-TH&THCSHS ngày 16/10/2024.

- Trường TH&THCS Hà Sen là đơn vị sự nghiệp có chức năng dạy học và giáo dục học sinh; có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Đình Đăng	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	
2	Bà Hoàng Thị Thu	Phó BT chi bộ, Phó HT, Chủ tịch Công đoàn	
3	Bà Vũ Thị Sinh	Chi uỷ viên, Tổ trưởng Tổ CM THCS	
4	Bà Lê Thị Lượ	Tổ trưởng Tổ CM Tiểu học	
5	Bà Cao Thị Toán	Tổ trưởng Tổ Văn phòng – Thư ký Hội đồng	
6	Bà Trần Thị Thêu	Tổ phó tổ CM THCS	
7	Bà Đinh Thị Mai	Tổ phó tổ CM Tiểu học	
8	Bà Phạm Thị Liên	Tổ phó Tổ Văn phòng	
9	Bà Lê Thu Hường	Giáo viên Tổng Phụ trách Đội	
10	Bà Hoàng Thị Thương	Bí thư Đoàn TN	
11	Bà Vũ Thị Kim Huế	Trưởng ban Đại diện CMHS	

+ Hiệu trưởng: 01 người, phụ trách chung

+ Phó hiệu trưởng: 01 người, phụ trách cấp Tiểu học

+ Giúp việc Hiệu trưởng gồm các 02 tổ chuyên môn Tiểu học và THCS và 01 tổ văn phòng.

+ Nhà trường có chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Chi bộ lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng cộng sản Việt Nam. Có tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu và nguyên lý giáo dục.

e) Thông tin về người đứng đầu nhà trường:

- Họ và tên: Lê Đình Đặng

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- SĐT: 035.222.3125

- Địa chỉ thư điện tử: dangcbhp@mail.com

- Địa chỉ nhà trường: Trường TH&THCS Hà Sen

+ Cơ sở 1: Thôn Bền, xã Trân Châu, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

+ Cơ sở 2: Thôn Hải Sơn, xã Trân Châu, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

- Nhiệm vụ, trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường: thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Hiệu trưởng là người trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của nhà trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã, huyện và trước pháp luật về mọi hoạt động của nhà trường.

8. Các văn bản khác của nhà trường

- Hội đồng trường xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025.

- Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ban hành theo Quyết định tại Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động.

- Hội đồng trường ban hành các nghị quyết chỉ đạo, đánh giá, rà soát, bổ sung các hoạt động của nhà trường đảm bảo hiệu quả và kịp thời.

- Nhà trường ban hành các quy định về quản lý hành chính, nhân sự, sử dụng tài chính như: quy chế làm việc của đơn vị, quy chế khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ...

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ theo từng năm học; Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ quản lý, giáo viên. Động viên giáo viên chưa đạt chuẩn tham gia các lớp học nâng chuẩn.

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự, thực hiện công khai và tuyển dụng đúng trình tự theo quy định. Niêm yết và phổ biến kịp thời các văn bản tuyển dụng của cấp trên.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Chức danh nghề nghiệp viên chức tối thiểu	Mã chức danh nghề nghiệp viên chức	Năm học 2023- 2024 (Số lượng người)	Năm học 2024- 2025 (Số lượng người)
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2			3	2
1	Hiệu trưởng	1	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	1	1
2	Phó Hiệu trưởng	1	GV tiểu học Hạng II	V.07.03.28	1	1
3	Phó hiệu trưởng	1	GV THCS Hạng II	V.07.04.31	1	0
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	27			29	27
1	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	12	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	12	11
2	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	12	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.32	3	3
3	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	2	GV THCS Hạng III	V.07.04.12	2	2
4	Giáo viên tiểu học hạng II	3	GV tiểu học Hạng II	V.07.03.28	6	3
5	Giáo viên tiểu học hạng II	3	GV tiểu học Hạng II	V.07.03.07	1	1
6	Giáo viên tiểu học hạng III	5	GV tiểu học Hạng III	V.07.03.29	9	7
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	4			4	4
1	Kế toán viên	1		V.06.032	1	1
2	Thư viện viên (HCVP)	1		V.10.02.07	1	1
3	Thiết bị trường học	1		13.096	1	1
4	Thiết bị trường học	1		V.07.07.20	1	1

IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	4			4	4
1	Nhân viên bảo vệ (HĐ với trường)	2			2	2
2	Nhân viên lao công (HĐ trường)	2			2	2
Tổng số					39	37

- Về trình độ đào tạo:

Trình độ	2023-2024	2024-2025	Ghi chú
Đại học	30	28	
Cao đẳng	05	05	
Trung cấp	02	02	
Tổng số	35	33	(Không tính nhân viên BV và LC)

2. Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Cấp học/Đơn vị	Tổng số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	100	0	0	
2	PHT, GV	32	0	0	0	0	24	72,7	8	24,2	
Tổng số		33	0	0	0	0	25	75,8	8	24,2	

3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

100% CBGV hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên trong năm học.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Quy mô, diện tích nhà trường

Trường TH&THCS Hà Sen có diện tích 7572m², bình quân đạt 23,8m²/HS. Trường được UBND huyện cấp quyền sử dụng đất, quang cảnh môi trường xanh, sạch, đẹp, thoáng mát; đảm bảo an toàn, thân thiện. Đảm bảo diện tích tối thiểu 10m² cho một học sinh theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn về cơ sở vật chất trường mầm non, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Số lượng, hạng mục các phòng ban

2.1. Khối phòng hành chính, quản trị

- Phòng Hiệu trưởng: 01; Phòng Phó Hiệu trưởng: 01. Đảm bảo có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

- Phòng bảo vệ: bảo đảm có 02 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi.

- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị đảm bảo theo yêu cầu quy định.

- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và cơ bản đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

2.2. Khối phòng học tập

- Phòng học: 18 phòng/18 lớp học, được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; ti vi có kết nối Internet.

- Phòng học bộ môn: có 8 phòng (02 phòng KHTN và 02 phòng Lý - Công nghệ; 02 phòng tiếng Anh; 02 phòng Nghệ thuật).

- Phòng học bộ môn Tin học: 02 phòng.

2.3. Khối phòng hỗ trợ học tập

- Thư viện: Đạt Thư viện chuẩn năm 2016.

- Phòng thiết bị giáo dục: 02 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường.

- Phòng truyền thống: 01.

- Phòng đội được trang bị đầy đủ thiết bị.

2.4. Khối phụ trợ

- Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường: có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

- Phòng các tổ chuyên môn: 04 phòng/2 tổ chuyên môn; trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

- Phòng Y tế trường học: có 02 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.

- Nhà kho: bảo đảm có 02 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường.

- Khu để xe học sinh: có mái che.

- Khu vệ sinh học sinh: 04 phòng vệ sinh nam; 02 phòng vệ sinh nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị đảm bảo

theo yêu cầu tối thiểu. Khu vệ sinh đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường.

- Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ bảo đảm vững chắc, an toàn; cổng trường kiên cố, vững chắc có gắn biển tên trường.

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

- Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát, được đổ bê tông sạch sẽ.

- Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.

* Khôi phục vụ sinh hoạt: Nhà trường không có HS ăn bán trú nên không có bếp ăn, phòng sinh hoạt.

2.6. Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường.

- Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm.

** So sánh với năm học trước:*

Về cơ sở vật chất, so sánh với năm học 2023-2024, trường đã được sửa chữa dãy nhà phòng học (lắp lan can hành lang). Xây mới 01 bể bơi tại Cơ sở 2; trang bị thêm lao kéo, camera; lắp thêm ti vi cho các phòng học, phòng bộ môn.

Các hạng mục về cơ sở vật chất đáp ứng các yêu cầu cơ bản của công tác dạy và học theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020.

3. Số thiết bị dạy học hiện có

Năm học 2024-2025, nhà trường đã được cấp phát đủ thiết bị dạy học đối với các khối lớp thực hiện Chương trình GDPT 2018. Về cơ bản, các thiết bị dạy học đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu dạy và học.

4. Sách giáo khoa và tài liệu học tập

- Danh mục Sách giáo khoa sử dụng đã được UBND thành phố phê duyệt. Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo đã được nhà trường lựa chọn sử dụng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường đã ban hành Thông báo số 03/TB-TH&THCSHS và Thông báo số 04/TB-TH&THCSHS ngày 10/6/2024 của trường TH&THCS Hà Sen Thông báo danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường từ năm học 2024-2025, cụ thể;

4.1. Sách giáo khoa lớp 1

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
3	Đạo đức	Lưu Thu Thủy	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
4	TNXH	Mai Sỹ Tuấn	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
5	Mĩ Thuật	Đoàn Thị Mỹ Hương	GDVN	Cùng học để phát triển năng lực
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
7	GDTC	Đặng Ngọc Quang	ĐHSP	Cánh diều
8	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính	GD	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục gồm 08 sách giáo khoa lớp 1.

4.2. Sách giáo khoa lớp 2

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	ĐHSP	Cánh diều
3	Đạo đức	Trần Văn Thắng	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
4	TNXH	Mai Sỹ Tuấn	ĐHSP	Cánh diều
5	Mĩ Thuật	Nguyễn Xuân Tiên	Giáo dục Việt Nam	Chân Trời sáng tạo
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
7	GDTC	Lưu Quang Hiệp	ĐHSP	Cánh diều
8	Âm nhạc	Hoàng Long	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục gồm 08 sách giáo khoa lớp 2.

4.3. Sách giáo khoa lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
4	TNXH	Mai Sỹ Tuấn	ĐHSP	Cánh diều
5	Mĩ Thuật	Nguyễn Thị Nhung	GD Việt Nam	Chân trời sáng tạo
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
7	Công nghệ	Nguyễn Trọng Khanh	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
8	GDTC	Lưu Quang Hiệp	ĐHSP	Cánh diều
9	Âm nhạc	Lê Anh Tuấn	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
10	Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GD Việt Nam	
11	Tin học	Nguyễn Chí Công	GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục gồm 11 sách giáo khoa lớp 3.

4.4. Sách giáo khoa lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	ĐHSP	Cánh diều
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
4	LS - ĐL	Đỗ Thanh Bình	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
5	Khoa học	Mai Sĩ Tuấn	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP TPHCM	Cánh diều
7	Mỹ thuật	Nguyễn Thị Nhung	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
8	Công nghệ	Nguyễn Tất Thắng	ĐHSP TPHCM	Cánh diều

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
9	Âm nhạc	Lê Anh Tuấn	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
10	GDTC	Đinh Quang Ngọc	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
11	Tin học	Nguyễn Chí Công	GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân	GD Việt Nam	

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 4.

4.5. Sách giáo khoa lớp 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	ĐHSP	Cánh điều
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
4	LS - ĐL	Đỗ Thanh Bình	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
5	Khoa học	Bùi Phương Nga	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
7	Mỹ thuật	Nguyễn Thị Nhung	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
8	Công nghệ	Nguyễn Trọng Khanh	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
9	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
10	GDTC	Đinh Quang Ngọc	ĐHSP TPHCM	Cánh điều
11	Tin học	Nguyễn Chí Công	GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân	GD Việt Nam	

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 5.

4.6. Sách giáo khoa lớp 6

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Toán Tập 1	Đỗ Đức Thái	Đại học Sư phạm	Cánh điều
	Toán Tập 2	Đỗ Đức Thái	Đại học Sư phạm	Cánh điều
2	KHTN	Mai Sỹ Tuấn	Đại học Sư phạm	Cánh điều

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
3	Tin học	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Công nghệ	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục thể chất	Hồ Đắc Sơn	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Ngữ văn tập 1	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn tập 2	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục công dân	Trần Văn Thắng	Đại học Sư phạm TP HCM	Cánh diều
9	Âm nhạc	Đỗ Thanh Hiền	Đại học Sư phạm TP HCM	Cánh diều
10	Mĩ thuật	Phạm Văn Tuyền	Đại học Sư phạm TP HCM	Cánh diều
11	Tiếng Anh Tập 1 (Global Success)	Hoàng văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
	Tiếng Anh 6 Tập 2 (Global Success)	Hoàng văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
12	Hoạt động TNHN	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP TP HCM	Cánh Diều

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 6.

4.7. Sách giáo khoa lớp 7

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Ngữ văn, tập 1	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn, tập 2	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán, tập 1	Đỗ Đức Thái	Đại học Sư phạm	Cánh Diều

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
	Toán, tập 2	Đỗ Đức Thái	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
3	Tiếng Anh Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
4	KHTN	Mai Sỹ Tuấn	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
5	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Giáo dục công dân	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Đại học Huế	Cánh Diều
7	Âm nhạc	Đỗ Thanh Hiền	Đại học Sư phạm TP HCM	Cánh Diều
8	Mĩ Thuật	Phạm Văn Tuyền	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
9	Tin học	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Công nghệ	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Hoạt động TNHN	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP TP HCM	Cánh Diều

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 7.

4.8. Sách giáo khoa lớp 8

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Ngữ văn (tập 1)	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn (tập 2)	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	(Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng Anh 8 Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
3	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang	Giáo dục Việt Nam	(Kết nối tri thức với cuộc sống)

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
4	Giáo dục công dân	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Đại học Huế	Cánh điều
5	Âm nhạc	Đỗ Thanh Hiên	Đại học Huế	Cánh điều
6	Mĩ thuật	Phạm Văn Tuyền	Đại học Sư phạm	Cánh điều
7	Toán	Đỗ Đức Thái	Đại Học Sư Phạm	Cánh điều
8	Khoa học tự nhiên	Mai Sỹ Tuấn	Đại học Sư phạm	Cánh điều
9	Tin học	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Công nghệ	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Hoạt động TNHN	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP TP HCM	Cánh Điều

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 8.

4.9. Sách giáo khoa lớp 9

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Ngữ văn (tập 1)	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn (tập 2)	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
3	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Giáo dục công dân	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty CPĐT Xuất bản - TBGD VN	Cánh điều
5	Âm nhạc	Đỗ Thanh Hiên	Công ty CPĐT	Cánh điều

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
			Xuất bản - TBGD VN	
6	Mĩ thuật	Phạm Văn Tuyền	Công ty CPĐT Xuất bản - TBGD VN	Cánh điều
7	Toán, Tập 1	Đỗ Đức Thái	Đại học Sư Phạm	Cánh điều
	Toán, Tập 2	Đỗ Đức Thái	Đại học Sư Phạm	Cánh điều
8	Khoa học tự nhiên	Đinh Quang Báo	Đại học Sư Phạm	Cánh điều
9	Tin học	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Công nghệ	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Hoạt động TNHN	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP TP HCM	Cánh Điều

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 9.

- Nhà trường trang bị sách tham khảo tối thiểu đảm bảo cơ bản các nhu cầu học tập, giảng dạy của giáo viên và học sinh.

- Ngoài ra còn có hệ thống sách điện tử của các bộ sách giáo khoa đáp ứng nhu cầu học tập và tìm hiểu trực tuyến của giáo viên và học sinh:

<https://www.vniteach.com/sach-dien-tu-ket-noi-tri-thuc-voi-cuoc-song/>

<https://www.vniteach.com/sach-dien-tu-ket-noi-tri-thuc-voi-cuoc-song/>

<https://www.vniteach.com/sach-dien-tu-canh-dieu/>

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng GD của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

1.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng GD của nhà trường

Căn cứ bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018, Hội đồng tự đánh giá Trường TH&THCS Hà Sen đã thực hiện đánh giá đủ 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí. Kết quả như sau:

* Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		<i>Mức 1</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 3</i>
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2	x			
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	x

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	-
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

* Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		x	
Khoản 2, Điều 22		x	
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	
Khoản 6, Điều 22		x	

Kết quả:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 27/28 tiêu chí = 96,4%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 27/28 tiêu chí = 96,4%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 18/20 tiêu chí = 90,0%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 4: 0

1.2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng vào đầu năm học sau tự đánh giá, trong đó chỉ rõ các giải pháp cụ thể, thời gian tiến hành và dự kiến hoàn thiện, kinh phí thực hiện, phân công người thực hiện.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng, đạt chuẩn Quốc gia qua các mốc thời gian

Trường TH&THCS Hà Sen đã được công nhận nhà trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 3 năm học 2015-2016**.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học

1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

Chỉ tiêu tuyển sinh: Lớp 1

* Học sinh học tại trường:

- Tổng số người học đăng ký dự tuyển: 28
- Tổng số người học được tuyển: 28
- Học sinh đúng tuyển tuyển sinh (xã Trân Châu): 28 em.
- Học sinh trái tuyển (Học sinh ngoài xã Trân Châu): 0 học sinh.

* Học sinh học nơi khác: 0

- Tổng số người học đăng ký dự tuyển: 28
- Tổng số người học được tuyển: 28

Chỉ tiêu tuyển sinh: Lớp 6

- Tổng số người học đăng kí dự tuyển sinh: 27 Trong đó:
- + Giới tính: Nam: 15, Nữ: 12
- + Độ tuổi: Đúng độ tuổi: 27
- + Số người học là người dân tộc thiểu số: 0, nữ dân tộc: 0
- + Người học là đối tượng được hưởng ưu tiên, khuyến khích: 02.

Tổng số người học có đủ hồ sơ theo quy định: 27

- Tổng số học sinh học tại trường TH&THCS TH&THCS Hà Sen (cấp tiểu học): 27/27;
- Tổng số học sinh thuộc đối tượng phải phổ cập: 27 Trong đó:
- + Tổng số học sinh được đề nghị xét tuyển: 27
- + Số học sinh xét tuyển nơi khác: 0

1.2. Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn xin học (theo mẫu);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Học bạ Tiểu Học (bản chính) đối với lớp 6; Giấy chứng nhận hoàn thành CTMG 5 tuổi đối với lớp 1.
- Bản sao giấy xác nhận đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên, học sinh khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp (công chứng).

1.3. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Xét tuyển

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học đối với lớp 6; hoàn thành CTMG 5 tuổi đối với lớp 1.

- Hình thức tuyển sinh:

+ Đối với lớp 1 tuyển sinh trực tiếp; Đối với lớp 6 tuyển sinh trực tuyến trên phần mềm DVC

2. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

- Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).

- Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

- Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

- Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

3. Kết quả đánh giá học sinh

3.1. Đối với học sinh Tiểu học: Tổng số 113

TT	Khối / Lớp	Số số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
			Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
	Tổng Số	113	21	28	60	4
1	Khối 1	28	6	8	12	2
	1 A1	18	5	5	7	1
	1A2	10	1	3	5	1
2	Khối 2	18	3	6	8	1
	2 A1	10	2	3	5	
	2 A2	8	1	3	3	1
3	Khối 3	20	3	5	12	
	3 A1	9	1	2	6	

	3 A2	11	2	3	6	
4	Khối 4	19	4	3	11	1
	4 A1	12	2	2	7	1
	4 A2	7	2	1	4	
5	Khối 5	28	5	6	17	
	5 A1	16	4	3	9	
	5 A2	12	1	3	8	

Hoàn thành chương trình lớp học 100% (sau thi lại);

Hoàn thành chương trình Tiểu học: 100%

3.2. Đối với học sinh THCS: Tổng số 103

Kết quả rèn luyện

Khối/ Lớp	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Trên TB	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Tổng	103	92	89.32	10	9.71	1	0.97	103	100.00
Khối 6	26	25	96.15	1	3.85			26	100.00
6 A1	11	11	100.00					11	100.00
6 A2	15	14	93.33	1	6.67			15	100.00
Khối 7	34	32	94.12	2	5.88			34	100.00
7 A1	15	15	100.00					15	100.00
7 A2	19	17	89.47	2	10.53			19	100.00
Khối 8	20	15	75.00	4	20.00	1	5.00	20	100.00
8 A1	13		61.54	4	30.77	1	7.69	13	100.00
8 A2	7	7	100.00					7	100.00
Khối 9	23	20	86.96	3	13.04			23	100.00
9 A1	13	10	76.92	3	23.08			13	100.00
9 A2	10	10	100.00					10	100.00

Kết quả học tập

Khối/ lớp		Tốt		Khá		Đạt		C.Đạt		Trên TB	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	S L	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Tổng	103	13	12.62	50	48.54	37	35.92	3	2.91	100	97.09
Khối 6	26	4	15.38	11	42.31	10	38.46	1	3.85	25	96.15
6 A1	11	2	18.18	5	45.45	4	36.36			11	100.00
6 A2	15	2	13.33	6	40.00	6	40.00	1	6.67	14	93.33
Khối 7	34	6	17.65	15	44.12	12	35.29	1	2.94	33	97.06
7 A1	15	4	26.67	7	46.67	4	26.67			15	100.00
7 A2	19	2	10.53	8	42.11	8	42.11	1	5.26	18	94.74
Khối 8	20	2	10.00	12	60.00	6	30.00			20	100.00
8 A1	13	2	15.38	6	46.15	5	38.46			13	100.00
8 A2	7			6	85.71	1	14.29			7	100.00
Khối 9	23	1	4.35	12	52.17	9	39.13	1	4.35	22	95.65
9 A1	13	1	7.69	6	46.15	5	38.46	1	7.69	12	92.31
9 A2	10			6	60.00	4	40.00			10	100.00

- Số HS được lên lớp: 99,0% (sau thi lại)

- Số HS Lưu ban: 01

3. Chất lượng sau tốt nghiệp THCS

- Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình THCS: 23

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 23

- Số học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT: $21/23 = 91,3\%$ (01 học sinh không tham gia kỳ thi vào 10 THPT; 01 học sinh không đủ điều kiện tốt nghiệp THCS lần 1)

- Số học sinh tham gia học nghề: 0

- Số học sinh ở nhà lao động tự do: 0

4. Thực hiện chương trình GD của nước ngoài:

Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (Báo cáo các nội dung trong Điều 5 của Thông tư số 09)

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí

TT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Năm 2023 (VNĐ)	Năm 2024 (VNĐ)
1	Nguồn ngân sách	Chi lương, các khoản đóng theo lương 6.567.990.087 đồng	4.677.671.975	6.567.990.087
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục	538.098.121	1.938.189.601
2	Nguồn học phí	Chi 40% cải cách tiền lương. 58.534.909 đồng	34.190.817	58.534.909

b) Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng: số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024-2025;

Căn cứ các Hướng dẫn liên sở của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Tài chính: số 03/HDLS-GDDT-STC ngày 26/9/2022 về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 1044/HDLS-GDDT-STC ngày 19/8/2024 thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 2984/UBND-GD&ĐT ngày 13/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc thực hiện thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của các cấp, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 60/KH-HS ngày 09/9/2024 về việc triển khai các khoản thu-chi năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Mức thu		Thời gian thu	Ghi chú
		Tiểu học	THCS		
I	Các khoản thu theo quy định				
1	Học phí		62.000/tháng		Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024
II	Các khoản thu dịch vụ				
1	Tiền học thêm		7.000đ/tiết	Thu theo tháng thực học (tuần 4 hàng tháng)	Theo nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải phòng
2	Tiền học 2 buổi/ngày	30.000đ/tháng		Thu theo tháng thực học (tuần 2 hàng tháng)	
III	Các khoản thu hộ - chi hộ				
1	Tiền khám sức khỏe	15.000đ/HS/năm	15.000đ/HS/năm	Thu 1 lần T11/2024	Điều 18, TT 52/2020/ TT - BGDĐT ngày 31/12/ 2020; TT 13/TTLT - BYT-BGDĐT
2	Tiền quỹ đội (Quỹ vòng tay bạn bè)	35.000/năm	35.000/năm	Chia làm 2 đợt (tháng 11/2024, tháng 4/2025)	Theo Kế hoạch số 313-KH/LN, ngày 3/9/2020 của Thành đoàn – Sở GDĐT HP
3	Bảo hiểm y tế học sinh (đối với HS không thuộc đối tượng chính sách)	884.520 đồng/HS/12 tháng	884.520 đồng/HS/12 tháng	Thu 1 lần T10/2024	Thực hiện theo Công văn số 171/BHXXH ngày 10/8/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện Cát Hải

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo Theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp có được từ sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ học sinh và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được trích từ kinh phí hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp theo khuyến nghị của cuộc họp toàn thể các trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh lớp đầu năm học.

- Năm học 2024-2025: Nhà trường không triển khai công tác xã hội hóa giáo dục.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

Năm học 2024-2025 nhà trường còn 02 giáo viên THCS chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học huyện, thị trấn và phụ huynh học sinh hỗ trợ như: ghế nhựa ngồi hoạt động tập trung và cải tạo vườn trường.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022-2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như MISA, IMAS, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm QLCM, trang web... Sử dụng phần mềm trong xây dựng kế hoạch soạn giảng được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm. Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của HS; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động dạy học.

5. Công tác truyền thông

Nhà trường phân công người phụ trách công tác truyền thông. Cập nhật và đưa tin kịp thời; đẩy mạnh công tác truyền thông về chất lượng giáo dục, các hoạt động GDNGLL. Tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật trên các kênh thông tin: Hộp HĐSP, Zalo trường, lớp... thông qua website trường: <https://th-thcs.hasen.haiphong.edu.vn>

6. Kết quả thi đua toàn trường năm học 2024-2025

- Trường: xếp thứ 4/10 trường khối phổ thông, đạt tập thể lao động tiên tiến;
- Đề nghị tặng giấy khen của UBND huyện .
- 01 đồng chí được đề nghị Sở GD tặng giấy khen
- 01 đ/c được UBND huyện Cát Hải tặng giấy khen.
- 05 đ/c đạt CSTĐ cấp cơ sở, 33 đ/c đạt lao động Tiên Tiến trong đó 06 đ/c đạt HTXSNV.
- Các tổ chức: Liên Đội được Thành Đoàn tặng giấy khen

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm học 2024-2025 của trường TH&THCS Hà Sen ./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Công khai trên Website
- CBGVNV, PHHS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Đình Đặng